

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn (BKC), tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700149595. Vốn điều lệ 117.377.280.000 đồng, niêm yết trên HNX. Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác khoáng sản, sản xuất kim loại, thăm dò khoáng sản, chế biến rượu, đồ uống không cồn. Doanh nghiệp áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mục II - Mã số 120) không có số liệu.
- Không có mục "Các khoản dự phòng" (Mục 15 trong VAS 21).
- Không có mục "Phần sở hữu của cổ đông thiểu số" (Mục 16 trong VAS 21).
- Không có mục "Các khoản dự trữ" (Mục 18 trong VAS 21).
- Không có mục "Nguồn kinh phí và quỹ khác" (Mục II - Mã số 430).

• Bất thường:

- Mục "Phải trả dài hạn khác" (Mã số 337) có số liệu ở cột "Số đầu năm" nhưng không có số liệu ở cột "Số cuối quý". Trong khi đó, "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (Mã số 338) lại ngược lại. Cần xem xét lại tính nhất quán và chính xác của việc phân loại này.
- Có vẻ như mục "Tài sản cố định vô hình" đang được trình bày giá trị còn lại bằng 0, do nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế bằng nhau.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Không có mục "Các khoản giảm trừ" (Mục 2 trong VAS 21).
- Không có mục "Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu" (Mục 12 trong VAS 21).
- Không có mục "Chi phí thuế TNDN hoãn lại" (Mục 16 trong VAS 21).
- Không có mục "Lợi nhuận thuần trong kỳ" (Mục 17 trong VAS 21).
- Không có mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" (Mục 19 trong VAS 21).

- **Bất thường:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành chỉ có số liệu lũy kế năm nay và năm trước, không có số liệu cho quý IV.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu có vẻ quá nhỏ so với lợi nhuận sau thuế. Cần kiểm tra lại cách tính toán.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp giống Mẫu 2 (Phương pháp gián tiếp).

2. Phân tích bảng cân đối kế toán

Phần Nguồn Vốn:

- **Cơ cấu Nợ và Vốn Chủ Sở Hữu:** Nguồn vốn của doanh nghiệp chủ yếu đến từ vốn chủ sở hữu (236.97 tỷ VNĐ) chiếm tỷ trọng lớn hơn so với nợ phải trả (191.66 tỷ VNĐ).
- **Nợ Phải Trả:** Nợ ngắn hạn (161.27 tỷ VNĐ) chiếm phần lớn trong tổng nợ phải trả so với nợ dài hạn (30.39 tỷ VNĐ).
- **So sánh giữa kỳ:**
 - Nợ phải trả tăng nhẹ từ 185.4 tỷ VNĐ lên 191.66 tỷ VNĐ (tăng khoảng 3.37%).
 - Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 183.06 tỷ VNĐ lên 236.97 tỷ VNĐ (tăng khoảng 29.45%). Sự tăng trưởng này chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng đáng kể.

Phần Tài Sản:

- **Tổng Giá Trị Tài Sản:** Tổng tài sản của doanh nghiệp là 428.63 tỷ VNĐ.
- **Cơ cấu Tài Sản:**
 - Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn (285.42 tỷ VNĐ) so với tài sản dài hạn (143.21 tỷ VNĐ).
 - Trong tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất (143.69 tỷ VNĐ).
- **So sánh giữa kỳ:**
 - Tổng tài sản tăng từ 368.46 tỷ VNĐ lên 428.63 tỷ VNĐ (tăng khoảng 16.33%).
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng đột biến từ 27.42 tỷ VNĐ lên 143.69 tỷ VNĐ (tăng khoảng 423.25%), cho thấy khả năng thanh khoản của doanh nghiệp được cải thiện đáng kể.

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh từ 80.04 tỷ VNĐ xuống 39.96 tỷ VNĐ (giảm khoảng 50.08%), có thể do doanh nghiệp đã thu hồi được nợ hoặc thay đổi chính sách bán hàng.
- Hàng tồn kho giảm đáng kể từ 146.12 tỷ VNĐ xuống 87.12 tỷ VNĐ (giảm khoảng 40.38%), cho thấy doanh nghiệp đã tiêu thụ được lượng lớn hàng tồn kho.
- Tài sản dài hạn tăng từ 102.12 tỷ VNĐ lên 143.21 tỷ VNĐ (tăng khoảng 40.24%), chủ yếu do chi phí trả trước dài hạn tăng mạnh.

Đánh Giá:

- Doanh nghiệp có sự tăng trưởng về tổng tài sản, chủ yếu nhờ vào sự gia tăng của tiền và các khoản tương đương tiền, cũng như tài sản dài hạn.
- Sự gia tăng đáng kể của tiền mặt có thể là kết quả của việc thu hồi nợ, tăng doanh thu, hoặc các hoạt động tài chính khác.
- Việc giảm hàng tồn kho là một dấu hiệu tích cực, cho thấy doanh nghiệp quản lý hàng tồn kho hiệu quả hơn.
- Vốn chủ sở hữu tăng mạnh nhờ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, cho thấy doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có khả năng sinh lời tốt.
- Cần chú ý đến khoản phải thu của khách hàng (giảm mạnh) và khoản phải trả cho nhà cung cấp (tăng mạnh), cũng như vốn lưu động để đánh giá khả năng thanh toán và quản lý dòng tiền của doanh nghiệp.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- **Doanh thu:** Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý IV năm nay là 238.6 tỷ VNĐ, tăng mạnh so với 180.5 tỷ VNĐ cùng kỳ năm trước (tăng khoảng 32.2%). Lũy kế cả năm, doanh thu thuần đạt 567.5 tỷ VNĐ, tăng trưởng ấn tượng so với 439.9 tỷ VNĐ của năm trước (tăng khoảng 29%). Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty đang phát triển tốt.
- **Lợi nhuận gộp:** Lợi nhuận gộp trong quý IV năm nay đạt 47.5 tỷ VNĐ, tăng đột biến so với 8.4 tỷ VNĐ cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm, lợi nhuận gộp đạt 95.8 tỷ VNĐ, cao hơn nhiều so với 30.4 tỷ VNĐ của năm trước. Sự cải thiện đáng kể này cho thấy công ty đã kiểm soát giá vốn tốt hơn hoặc có sự thay đổi trong cơ cấu sản phẩm/dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn.
- **Doanh thu và Chi phí tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính không có sự thay đổi đáng kể, tuy nhiên chi phí tài chính tăng từ 2.6 tỷ lên 4.9 tỷ trong quý IV, và lũy kế tăng từ 11.4 tỷ lên 14 tỷ. Điều này có thể do tăng chi phí lãi vay.

- **Chi phí hoạt động:** Chi phí bán hàng giảm nhẹ trong quý IV nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp lại tăng. Điều này có thể do công ty đang đầu tư vào quản lý và phát triển doanh nghiệp.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh từ 2 tỷ VND (Quý IV năm trước) lên 37.5 tỷ VND (Quý IV năm nay), và lũy kế tăng từ 4.3 tỷ lên 65 tỷ. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty đang hiệu quả hơn rất nhiều.
- **Lợi nhuận khác:** Lợi nhuận khác biến động không đáng kể và không ảnh hưởng lớn đến kết quả chung.
- **Lợi nhuận trước thuế:** Lợi nhuận trước thuế tăng mạnh từ 1.9 tỷ VND (Quý IV năm trước) lên 37.5 tỷ VND (Quý IV năm nay), và lũy kế tăng từ 6 tỷ lên 66 tỷ.
- **Lợi nhuận sau thuế:** Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh từ 1.9 tỷ VND (Quý IV năm trước) lên gần 30 tỷ VND (Quý IV năm nay), và lũy kế tăng từ 5.1 tỷ lên 53.9 tỷ.
- **EPS:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng mạnh từ 167 đồng lên 2.555 đồng trong quý IV, và lũy kế tăng từ 437 đồng lên 4.593 đồng.

Nhận định:

Báo cáo cho thấy sự tăng trưởng vượt bậc trong hoạt động kinh doanh của công ty. Doanh thu tăng trưởng tốt, lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể, và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh mẽ. Điều này cho thấy công ty đang hoạt động hiệu quả và có tiềm năng phát triển tốt. Tuy nhiên, cần chú ý đến sự gia tăng của chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp để đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh:** Năm nay đạt 221.2 tỷ VND, tăng mạnh so với 32.1 tỷ VND năm trước. Điều này cho thấy khả năng tạo tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể.
- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:** Âm 20.4 tỷ VND, tương đương năm trước âm 4.7 tỷ VND. Chi tiền chủ yếu cho mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn.
- **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:** Âm 85.3 tỷ VND, trong khi năm trước âm 4.5 tỷ VND. Chủ yếu do trả nợ gốc vay nhiều hơn so với tiền thu từ đi vay.
- **Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:** 115.5 tỷ VND, tăng mạnh so với 22.9 tỷ VND năm trước.

- **Tiền và tương đương tiền cuối kỳ:** 143.7 tỷ VND, tăng đáng kể so với 27.4 tỷ VND đầu kỳ.

Phân tích:

- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh cho thấy doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn trong việc tạo ra tiền từ hoạt động cốt lõi.
- Hoạt động đầu tư tiếp tục âm, cho thấy doanh nghiệp đang đầu tư vào tài sản cố định và dài hạn.
- Hoạt động tài chính âm do trả nợ gốc vay nhiều hơn, có thể là dấu hiệu doanh nghiệp đang giảm bớt sự phụ thuộc vào nợ vay.
- Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ tăng mạnh và tiền mặt cuối kỳ tăng đáng kể cho thấy tình hình tài chính của doanh nghiệp đang được cải thiện.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Quý IV/2024)	Ý nghĩa
1. Chỉ số thanh khoản			
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	$285.416.829.838 / 161.265.689.632 = 1.77$	Khả năng thanh toán ngắn hạn tốt (>1).
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	$(285.416.829.838 - 87.115.328.316) / 161.265.689.632 = 1.23$	Khả năng thanh toán ngắn hạn vẫn tốt sau khi loại trừ hàng tồn kho.
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	$143.694.292.293 / 161.265.689.632 = 0.89$	Khả năng trả nợ tức thời ở mức trung bình.
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	$191.655.689.632 / 428.626.533.602 = 0.45$	45% tài sản được tài trợ bằng nợ, mức độ rủi ro tài chính trung bình.

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Quý IV/2024)	Ý nghĩa
Nợ trên vốn chủ	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	191.655.689.632 / 236.970.843.970 = 0.81	Mức đòn bẩy tài chính trung bình.
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	66.062.998.199 / 8.562.700.166 = 7.71	Khả năng trả lãi rất tốt (>3). EBIT = Tổng lợi nhuận trước thuế (lũy kế năm nay). Chi phí lãi vay (lũy kế năm nay).
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	471.710.079.917 / ((87.115.328.316 + 146.117.484.978)/2) = 4.03	Hiệu quả quản lý hàng tồn kho ở mức trung bình. Giá vốn hàng bán (lũy kế năm nay). Hàng tồn kho bình quân = (Hàng tồn kho cuối kỳ + Hàng tồn kho đầu kỳ) / 2.
Vòng quay khoản phải thu	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	567.481.233.266 / ((39.957.338.921 + 80.038.622.855)/2) = 9.46	Quản lý công nợ khách hàng hiệu quả. Doanh thu thuần (lũy kế năm nay). Khoản phải thu bình quân = (Khoản phải thu cuối kỳ + Khoản phải thu đầu kỳ) / 2.
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	567.481.233.266 / ((428.626.533.602 + 368.457.837.358)/2) = 1.42	Hiệu quả sử dụng tài sản ở mức trung bình. Doanh thu thuần (lũy kế năm nay). Tổng tài sản bình quân = (Tổng tài sản cuối kỳ + Tổng tài sản đầu kỳ) / 2.
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	95.771.153.349 / 567.481.233.266 = 0.17	Biên độ lợi nhuận trước chi phí là 17%. Lợi nhuận gộp (lũy kế năm nay). Doanh thu thuần (lũy kế năm nay).
			Lợi nhuận giữ lại trên mỗi đồng doanh thu là 9.5%. Lợi

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Quý IV/2024)	Ý nghĩa
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	53.911.449.645 / 567.481.233.266 = 0.095	nhuận sau thuế (lũy kế năm nay). Doanh thu thuần (lũy kế năm nay).
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	53.911.449.645 / ((428.626.533.602 + 368.457.837.358)/2) = 0.135	Khả năng sinh lời trên tài sản là 13.5%. Lợi nhuận sau thuế (lũy kế năm nay). Tổng tài sản bình quân = (Tổng tài sản cuối kỳ + Tổng tài sản đầu kỳ) / 2.
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	53.911.449.645 / ((236.970.843.970 + 183.059.394.325)/2) = 0.257	Khả năng sinh lời trên vốn chủ là 25.7%. Lợi nhuận sau thuế (lũy kế năm nay). Vốn chủ sở hữu bình quân = (Vốn chủ sở hữu cuối kỳ + Vốn chủ sở hữu đầu kỳ) / 2.
5. Chỉ số định giá			
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành	53.911.449.645 / 117.377.280 = 459.37	Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu. Lợi nhuận sau thuế (lũy kế năm nay). Số cổ phiếu lưu hành = Vốn góp của chủ sở hữu / mệnh giá (giả sử mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu).
P/E	Giá thị trường / EPS	Không tính được	Cần thông tin về giá thị trường của cổ phiếu.
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Không tính được	Cần thông tin về giá thị trường của cổ phiếu và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS). BVPS = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu lưu hành.
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác			
Doanh thu Thuần	Doanh thu bán - (trừ) Giảm giá hàng bán,	567.481.233.266	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (lũy kế năm nay).

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Quý IV/2024)	Ý nghĩa
	hàng bán bị trả lại		
Giá vốn		471.710.079.917	Giá vốn hàng bán (lũy kế năm nay).
Lợi nhuận gộp	Doanh thu Thuần - Giá vốn	95.771.153.349	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (lũy kế năm nay).
Lợi nhuận trước thuế Thu nhập Doanh nghiệp		66.062.998.199	Tổng lợi nhuận trước thuế (lũy kế năm nay).
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập Doanh nghiệp		53.911.449.645	Lợi nhuận sau thuế TNDN (lũy kế năm nay).
7. Tăng trưởng			
Tăng trưởng Doanh thu	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100 (%)	(567.481.233.266 - 439.951.065.783) / 439.951.065.783 * 100 = 29%	Doanh thu tăng trưởng 29% so với năm trước.
Tăng trưởng Giá vốn	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100 (%)	(471.710.079.917 - 409.576.160.480) / 409.576.160.480 * 100 = 15.17%	Giá vốn tăng trưởng 15.17% so với năm trước.
Tăng trưởng Lợi nhuận gộp	(Năm nay - Năm trước) / Năm trước * 100 (%)	(95.771.153.349 - 30.374.905.303) / 30.374.905.303 * 100 = 215.36%	Lợi nhuận gộp tăng trưởng 215.36% so với năm trước.
Tăng trưởng	(Năm nay - Năm trước) /	(53.911.449.645 - 5.129.088.939) /	Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 951.13% so với năm trước.

Chỉ số	Công thức	Giá trị (Quý IV/2024)	Ý nghĩa
Lợi nhuận sau thuế	Năm trước * 100 (%)	5.129.088.939 * 100 = 951.13%	
8. Dòng tiền			
CFO	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	221.216.833.935 / 567.481.233.266 = 0.39	Doanh nghiệp nhận được 0.39 đồng trên 1 đồng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh.
FCFE	(Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh - Dòng tiền đầu tư cho tài sản cố định)	221.216.833.935 - 20.580.475.492 = 200.636.358.443	Dòng tiền tự do của doanh nghiệp là 200.636.358.443 VNĐ.

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:** Vốn chủ sở hữu chiếm 55% tổng tài sản (236.970.843.970 / 428.626.533.602). Tỷ lệ này cho thấy doanh nghiệp có mức độ độc lập tài chính tương đối tốt, ít phụ thuộc vào nợ vay. Tuy nhiên, cần xem xét thêm về hiệu quả sử dụng vốn để đánh giá liệu doanh nghiệp có đang tận dụng tối đa nguồn vốn chủ sở hữu hay không.
- Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn:** Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản là 66.6% (285.416.829.838 / 428.626.533.602). Điều này cho thấy doanh nghiệp tập trung đầu tư vào tài sản ngắn hạn, đảm bảo khả năng thanh khoản.
- Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn:** Tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 33.4%. Tỷ lệ này cho thấy doanh nghiệp có đầu tư vào tài sản dài hạn nhưng không quá lớn.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán hiện hành:** 1.77 cho thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn tốt. Tài sản ngắn hạn đủ lớn để trang trải các khoản nợ ngắn hạn.

- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay:** 7.71 cho thấy doanh nghiệp có khả năng trả lãi vay rất tốt, đảm bảo không gặp khó khăn trong việc trả lãi và duy trì sức khỏe tài chính ổn định.
- **Hệ số vòng quay khoản phải thu:** 9.46 cho thấy doanh nghiệp quản lý các khoản phải thu hiệu quả, thu hồi tiền từ khách hàng nhanh chóng.
- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho:** 4.03 cho thấy hiệu quả quản lý hàng tồn kho ở mức trung bình.

3. Phân tích đòn bẩy tài chính:

- **Hệ số nợ:** 0.45 cho thấy 45% tài sản của doanh nghiệp được tài trợ bằng nợ. Mức độ đòn bẩy tài chính ở mức trung bình, không quá rủi ro.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS):** 0.095 cho thấy doanh nghiệp tạo ra 9.5 đồng lợi nhuận sau thuế trên mỗi đồng doanh thu thuần.
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA):** 0.135 cho thấy doanh nghiệp tạo ra 13.5 đồng lợi nhuận sau thuế trên mỗi đồng tài sản.
- **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):** 0.257 cho thấy doanh nghiệp tạo ra 25.7 đồng lợi nhuận sau thuế trên mỗi đồng vốn chủ sở hữu.
- **Thu nhập một cổ phần thường (EPS):** 459.37 cho thấy mỗi cổ phiếu mang lại 459.37 đồng lợi nhuận sau thuế.

5. Phân tích dòng tiền:

- **Doanh thu thuần (CFO):** 0.39 cho thấy doanh nghiệp nhận được 0.39 đồng trên 1 đồng doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh.
- **Tỷ suất dòng tiền tự do (FCFE):** 200.636.358.443 VNĐ cho thấy doanh nghiệp có dòng tiền tự do lớn, tình hình tài chính tích cực.

7. Tăng trưởng:

- **Tăng trưởng Doanh thu:** 29%
- **Tăng trưởng Giá vốn:** 15.17%
- **Tăng trưởng Lợi nhuận gộp:** 215.36%
- **Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế:** 951.13%